

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN THỦ ĐỨC  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 425/2020/DS-ST

Ngày: 29/10/2020

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Công Tình

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Bùi Thị Phụng
2. Bà Nguyễn Thị Lượng

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hà Văn Đoàn, là Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Trang – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29/9 và 29/10/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 759/TB-TLVA ngày 09/12/2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 396/2020/QĐXXST-DS ngày 19/8/2020, quyết định hoãn phiên tòa số 228/2020/QĐST-DS ngày 08/9/2020, quyết định tạm ngưng phiên tòa số 58/2020/QĐST-DS ngày 29/9/2020 và thông báo mở lại phiên tòa số 61/TB-TA ngày 12/10/2020, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1963 (có mặt)

Địa chỉ: 01 đường B, khu phố X, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn có Luật sư Nguyễn Hữu T, sinh năm 1984 – địa chỉ: Số 4 đường số x, khu phố y, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

**2. Bị đơn:** Bà Trần Ngọc C, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: 41/5/25 đường số x, khu phố y, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/11/2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại tòa nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc H trình bày:*

Bà và bà Trần Ngọc C là chỗ quen biết buôn bán ở chợ H, nên bà đã cho bà C mượn số tiền là 450.000.000 đồng cụ thể như sau: Ngày 26/9/2017 bà cho bà C mượn số tiền 100.000.000 đồng; ngày 31/10/2017 bà cho bà C mượn số tiền 50.000.000 đồng; ngày 10/11/2017 bà cho bà C mượn số tiền 50.000.000 đồng; ngày 15/01/2018 bà cho bà C mượn số tiền 100.000.000 đồng và ngày 05/02/2018 bà cho bà C mượn số tiền 100.000.000 đồng. Việc vay mượn tiền giữa đôi bên không có thỏa thuận về lãi suất, không có thời hạn trả nợ; ngày 20/11/2019 bà có thông báo yêu cầu thanh toán nợ gửi cho cho bà C, nhưng bà C vẫn không thực hiện.

Từ ngày 01/4/2018 bà C tham gia chơi hụi do bà làm chủ và hốt hụi số tiền 242.100.000 đồng, lúc đầu bà C đóng hụi đầy đủ được số tiền 58.100.000 đồng, còn 184.000.000 đồng bà C không thực hiện và rời khỏi địa phương không tham gia đóng hụi nữa, bà đã liên hệ với bà C để đòi lại số tiền cho mượn và tiền hụi còn thiếu nhưng không có kết quả. Vì vậy bà khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét giải quyết:

Buộc bà Trần Ngọc C phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền vay là 450.000.000 đồng và tiền nợ hụi còn thiếu là 184.000.000 đồng; tổng cộng số tiền là 634.000.000 đồng.

*Bị đơn bà Trần Ngọc C (vắng mặt không có lời khai).*

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn tranh luận: Bị đơn bà Trần Ngọc C đã vay của bà H số tiền 450.000.000 đồng, có giấy tờ thể hiện rõ ràng và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện bà C còn nợ tiền nợ hụi của bà H là 184.000.000 đồng là có thật; nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và diễn biến tại phiên tòa đã được Tòa án nhân dân quận Thủ Đức và Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng quy trình thủ tục theo quy định của pháp luật; về thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự, nguyên đơn chấp hành các quyền và nghĩa vụ của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của đương sự; tuy nhiên Tòa án có vi phạm về thời hạn đưa vụ án ra xét xử, nên kiến nghị Tòa án khắc phục.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thì việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền vay là 450.000.000 đồng và tiền nợ hụi là 184.000.000 đồng là có căn cứ; nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, cũng như ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà Trần Ngọc C có địa chỉ tại số 41/5/25 đường số x, khu phố y, phường H, quận T; nên thẩm quyền giải quyết vụ án này theo trình tự thủ tục sơ thẩm là Tòa án nhân dân quận Thủ Đức; được pháp luật quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 06/11/2019 và tài liệu, chứng cứ kèm theo của bà Nguyễn Ngọc H, thì vụ án có quan hệ tranh chấp là Tranh chấp về hợp đồng dân sự về hợp đồng vay tài sản được pháp luật quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3]. Bị đơn bà Trần Ngọc C đã được Tòa án thông báo về việc bị khởi kiện, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý; giấy triệu tập đương sự; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa, quyết định tạm ngưng phiên tòa và thông báo mở lại phiên tòa. Nhưng bà C không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt không có lý

do, coi như đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Đó đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà C là phù hợp với quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.4]. Về ý kiến của đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức cho rằng Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án sơ thẩm vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử là có cơ sở, nên Thẩm phán cần phải rút kinh nghiệm.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án và yêu cầu của nguyên đơn khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét giải quyết buộc bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền vay nợ có vốn gốc là 450.000.000 đồng và 184.000.000 đồng tiền hui còn thiếu.

[2.1]. Về số tiền vay có vốn gốc là 450.000.000 đồng. Căn cứ vào giấy mượn tiền ngày 26/9/2017 có nội dung: "... C mượn 100.000.000 đồng ..."; căn cứ vào giấy mượn tiền ngày 31/10/2017 có nội dung: "... C mượn 50.000.000 đồng ..."; căn cứ vào giấy mượn tiền ngày 10/10/2017 có nội dung: "... C mượn 100.000.000 đồng ..."; căn cứ vào giấy mượn tiền ngày 15/01/2018 có nội dung: "... C mượn 100.000.000 đồng ..." và căn cứ vào giấy mượn tiền ngày 05/02/2018 có nội dung: "... C mượn 100.000.000 đồng ...".

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn vắng mặt (không có lý do) cũng không có ý kiến phản hồi của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp các tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình, coi như từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình.

Điều 93 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định về chứng cứ như sau: Chứng cứ trong vụ việc dân sự là những gì có thật được đương sự và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác giao nộp, xuất trình cho Tòa án trong quá trình tố tụng hoặc do Tòa án thu thập được theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định và được Tòa án sử dụng làm căn cứ để xác định các tình tiết khách quan của vụ án cũng như xác định yêu cầu hay sự phản đối của đương sự là có căn cứ và hợp pháp.

Đối chiếu với quy định trên của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định, đánh giá, khách quan, toàn diện, về từng chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án cụ thể là các giấy mượn tiền ngày 26/9/2017, ngày 31/10/2017, ngày 10/10/2017, ngày 15/01/2018 và ngày 05/02/2018 là hợp pháp và có thật; thực hiện hợp đồng vay bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ, kéo dài thời gian làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[2.2]. Về số tiền chơi hui còn thiếu là 184.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn vẫn không đến tòa trình bày lời khai, cũng như cung cấp tài liệu chứng cứ để phản bác lại yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định bị đơn có tham gia chơi hui với nguyên đơn trong khoảng thời gian từ ngày 01/4/2018 đến ngày 04/11/2018 quá trình tham gia đây hui bị đơn đã hốt hui số tiền 242.100.000 đồng và có đóng hui lại cho nguyên đơn số tiền 58.100.000 đồng; và ngưng không thực hiện, còn thiếu lại của nguyên đơn số tiền là 184.000.000 đồng; nên phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền hui còn thiếu. Căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015 thì việc đòi nợ hui của nguyên đơn là có căn cứ.

[2.3]. Từ những nhận định và phân tích nêu trên, căn cứ Điều 463, 466, 468, 471 Bộ luật dân sự năm 2015 thì việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả lại số tiền vay là 450.000.000 đồng và tiền hui còn thiếu là 184.000.000 là có căn cứ, được chấp nhận.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: 29.360.000 bà Trần Ngọc C phải chịu.

*Vì các lẽ trên;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 93, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 463, 466, 468, 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Áp dụng nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về họ, hui, biên, phường.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:***

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc H tại phiên tòa sơ thẩm cụ thể:**

Buộc bị đơn bà Trần Ngọc C phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Ngọc H số tiền vay nợ là 450.000.000 (bốn trăm năm mươi triệu) đồng và tiền nợ hui còn thiếu là 184.000.000 (một trăm tám mươi bốn triệu) đồng. Tổng cộng số tiền là 634.000.000 (sáu trăm ba mươi bốn triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án, có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

**2. Về án phí dân sự sơ thẩm:** 29.360.000 (hai mươi chín triệu ba trăm sáu mươi nghìn) đồng bà Trần Ngọc C phải chịu; hoàn trả lại cho bà Nguyễn Ngọc H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.680.000 (mười bốn triệu sáu trăm tám mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0056246 ngày 09/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức.

**3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:** Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân TP. Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

4. Quyền yêu cầu Thi hành án: “Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”/.

**Nơi nhân:**

- Tòa án nhân dân TP. HCM; (1)
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM; (1)
- Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức; (1)
- CC Thi hành án dân sự quận Thủ Đức; (1)
- Các đương sự; (2)
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp. (3)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Lê Công Tình**